

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **180/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 25/6/2021.
V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ninh;
2. Bà Đặng Thị Huệ.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo P - Thư ký Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX - ST ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị P**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã ĐV, huyện YS, tỉnh TQ.

Hiện đang tạm trú tại: Thôn Nậm Bó, xã Kiến Thiết, huyện YS, tỉnh TQ.

2. Bị đơn: Anh **Lù Seo D**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn 4, xã ĐV, huyện YS, tỉnh TQ.

(*Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lù Seo D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người dân tộc. Mặc dù đã được chính quyền địa P tuyên truyền, hướng dẫn chúng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng do không hiểu biết và mãi mê làm ăn nên chị và anh D không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống với nhau chị và anh D sống hạnh phúc, hoà Tận bình

thường, đến năm 2017 anh chị phát sinh mâu Tẩn và đến nay mâu Tẩn đã trầm trọng. Nguyên nhân dân tới mâu Tẩn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị và anh D không còn ở với nhau từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận chị và anh Lù Seo D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung, là cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh D. Về con chung chị yêu cầu anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu Vui, cháu T và cháu Th vì anh D có nhà cửa ổn định, có ruộng nương để làm còn chị chưa có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

2. Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lù Seo D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Sùng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người dân tộc. Anh và chị P đã được chính quyền địa P tuyên truyền, hướng dẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng do không hiểu biết và mãi mê làm ăn nên anh và chị P không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về sống với nhau anh và chị P sống hạnh phúc, hoà Tận bình thường, đến năm 2017 phát sinh mâu Tẩn. Nguyên nhân dân tới mâu Tẩn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, anh và chị P không chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay anh nhất trí với ý kiến của chị P, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận anh và chị Sùng Thị P là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị P có 03 con chung, là cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu Vui, cháu T, cháu Th và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị P không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D đều giữ nguyên ý kiến theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, về quan hệ hôn nhân yêu cầu Toà án không công nhận anh chị là vợ chồng, về con chung, về tài sản chung chị P và anh D giữ nguyên ý kiến không bổ sung nội dung gì thêm.

Quá trình xác minh, T thập chứng cứ tại địa P thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐV, huyện YS, tỉnh TQ cho thấy, chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D chung sống

với nhau như vợ chồng từ năm 2001, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người dân tộc. Mặc dù được chính quyền địa P tuyên truyền, phổ biến, vận động, hướng dẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng chị P và anh D không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu về sống với nhau, chị P và anh D sống hạnh phúc, hoà Tận bình thường, đến năm 2017 phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân dân tới mâu Tẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, chị P và anh D không chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh D có 03 con chung, là cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh D.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị P và anh D không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Về hộ khẩu thường trú: Chị P và anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã ĐV, huyện YS, tỉnh TQ. Hiện chị P đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà, còn anh D đánh sinh sống và làm việc tại địa P.

Về T nhập bình quân và điều kiện nuôi con của chị P và anh D: Anh D ngoài làm ruộng ra còn đi làm Tê, T nhập bình quân của anh D thời điểm hiện nay tại địa P khoảng 250.000 đồng/1 ngày. Anh D có chỗ ở, T nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung; còn về T nhập bình quân của chị P, địa P không nắm được vì chị P hiện nay đang làm công việc gì, T nhập bao nhiêu địa P không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Việc tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án từ khi thụ lý và xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D; về con chung: Giao cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009 cho anh Lù Seo D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Sùng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về án phí chi P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa P, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh, T thập chứng cứ tại địa P cho thấy: Trường hợp của chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, mặc dù đã được chính quyền địa P tuyên truyền, phổ biến, vận động, hướng dẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị P và anh D có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng trong sổ theo dõi và các tài liệu liên quan lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã ĐV, huyện YS cho thấy chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định nam nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn theo pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Như vậy, chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị Sùng Thị P đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lù Seo D. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh D có 03 con chung, là cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009. Hiện nay cả ba cháu đang ở với anh D. Xét về điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của anh D và nguyện vọng của các cháu, anh D có đủ điều kiện để nuôi con chung nên Hội đồng xét xử cần giao con chung cho anh D trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống với chị P và anh D không có tài sản chung, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Sùng Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28; 35; 39; 144; 147; 227; 228; 235; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 14; 15; 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị P và anh Lù Seo D.

2. Về con chung: Giao cháu Lù Kim N, sinh ngày 04/12/2003, cháu Lù Minh T, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lù Minh Th, sinh ngày 09/11/2009 cho anh Lù Seo D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003735 ngày 12/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ, chị P đã nộp đủ án phí. Anh Lù Seo D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã ĐV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị Huệ

Phạm Thị Quỳnh